

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
T PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2019/DS-ST
Ngày: 07-8-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G- T PHỐ HÀ NỘI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn T Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự.

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương – Thư ký, Toà án nhân dân huyện G, T phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, T phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A (Tên gọi tắt: B).

Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, T phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân B hội sở theo giấy ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ –B AMC; Ông Vũ Văn Cường – Cán bộ phòng xử lý nợ – B AMC; Ông Hồ Đình Q – Cán bộ xử lý nợ - B AMC. Theo văn bản ủy quyền số 1888/2018/UQ-VPB ngày 20/10/2018 của Ngân hàng B. (Ông Hồ Đình Q, có mặt tại phiên tòa. Ông Trần Văn T, Vũ Văn Cường, vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Phạm Trọng H, sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm 3, thôn B, xã B, huyện G, T phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng A và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hồ Đình Q trình bày:***

Ngày 10/5/2017 ông Phạm Trọng H sinh năm 1981. Trú tại: Xóm 3, thôn B, xã B, huyện G, T phố Hà Nội đã ký kết Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng A (B) tại phòng giao dịch Hà T, địa chỉ: L1R6-Royal City, N, , Hà Nội, với nội dung:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng.

Mục đích vay: mua đồ gia dụng.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng mở tại B, nhận nợ từ thời điểm B giải ngân tiền vay vào Tài khoản thanh toán của bên vay. Ngày 10/5/2017 phòng giao dịch Hà T - Ngân hàng A đã lập tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay đối với ông Phạm Trọng H, với nội dung:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng.

Mục đích vay: mua đồ gia dụng.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Phương thức trả nợ: niên kim đều.

Lãi suất: 30%/năm; Loại hình cho vay: tín chấp; Các đề xuất khác: mở thẻ VP Super giảm 2% lãi suất.

Ngày 17/5/2017 Ngân hàng A – Chi nhánh Kinh Đô đã ký văn bản xác nhận về việc ông Phạm Trọng H đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong văn bản khi ông sử dụng dịch vụ tại B mà ông đã ký ngày 10/5/2017. Ngày 19/5/2017 ông Phạm Trọng H đã nhận đủ số tiền vay: 200.000.000 đồng tại phòng giao dịch Hà T - Ngân hàng A.

- Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng:

Từ ngày 19/10/2017 ông Phạm Trọng H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng B theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 ngày 10/5/2017 với B nên khoản vay trên chuyển sang nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Phạm Trọng H đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết. Ngân hàng đã gửi thông báo, công văn yêu cầu ông Phạm Trọng H trả nợ và yêu cầu nhưng ông H không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng A đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng

theo đúng quy định.

Tính đến ngày 07/8/2019, ông Phạm Trọng H đã trả nợ được cho B tổng số tiền là: 56.599.452 đồng, trong đó: đã trả nợ gốc: 33.077.505 đồng, tiền lãi đã trả: 23.342.421 đồng, số tiền phạt chậm trả đã trả là: 179.526 đồng, tạm tính đến ngày 07/8/2019 ông Phạm Trọng H còn nợ B số tiền theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Nợ gốc phải trả: 166.922.495 đồng. Nợ lãi trong hạn phải trả: 9.741.205 đồng. Nợ lãi quá hạn phải trả: 139. 210.128 đồng. Tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng. **Tổng cộng: 331.496.275 đồng.** Bằng chữ: Ba trăm ba mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy lăm đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng A đã nộp đơn khởi kiện đối với ông Phạm Trọng H và đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, xem xét, giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu ông Phạm Trọng H phải thanh toán cho B :Toàn bộ khoản nợ theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 ký ngày 10/5/2017 mà ông Phạm Trọng H đã ký với Ngân hàng A bao gồm nợ gốc, nợ lãi và phí phạt theo quy định trong Hợp đồng tín dụng nêu trên. Số tiền ông Phạm Trọng H còn nợ Ngân hàng A theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 07/8/2019 tổng số tiền là: 331.496.275 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc phải trả: 166.922.495 đồng.
- Nợ lãi trong hạn phải trả: 9.741.205 đồng.
- Nợ lãi quá hạn phải trả: 139. 210.128 đồng.
- Tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng.
- Tổng cộng: 331.496.275 đồng.

- Buộc ông Phạm Trọng H thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo quy định tại Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 ông H đã ký kết với B cho đến khi ông H thanh toán hết khoản nợ nêu trên tại B;

Yêu cầu ông Phạm Trọng H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là ông Phạm Trọng H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án, ông H có đến Tòa án theo giấy triệu tập và có lời khai ngày 06/3/2019 tại Tòa án như sau:** Về việc ông ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 ký ngày 10/5/2017

với Ngân hàng A để vay số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên ông đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng, do ông H làm ăn buôn bán gặp nhiều khó khăn nên không đủ khả năng trả nợ đúng hạn như đã cam kết với B dẫn đến khoản nợ quá hạn, kéo dài. Nay, B khởi kiện ông tại Tòa án nhân dân huyện Gyêu cầu ông phải thanh toán cho B toàn bộ số nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông H có trình bày hiện nay ông đang rất khó khăn về kinh tế, chưa có đủ khả năng để thanh toán toàn bộ khoản nợ làm 01 lần. Ông H đề nghị ngân hàng B tạo điều kiện chót nợ và cho ông được trả nợ mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 30/3/2019. Nếu ông H có nguồn thu nhập tốt có khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ làm 01 lần thì ông H sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ trên tại B. Nếu ông H không thực hiện đúng theo cam kết thì ông xin chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay ông H không thực hiện việc trả nợ cho B như ông đã trình bày tại Tòa án.

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gphát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

- Toà án nhân dân huyện Gđã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghiêm túc, không đến Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Phạm Trọng H, buộc ông Phạm Trọng H phải trả số tiền nợ gốc tạm tính là: 166.922.495 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng ông H hiện còn nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Đề nghị không chấp nhận về số tiền 15.622.447 đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được quy định tại khoản 7 mục a của Văn bản xác nhận ngày 17/5/2017 giữa ông Phạm Trọng H và Ngân hàng A là **trái quy định của pháp luật nên thỏa thuận này không có hiệu lực pháp luật vì không đúng theo quy định tại Điều 12 của** Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Phạm Trọng H có nơi cư trú tại địa bàn huyện Gnên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, T phố Hà Nội. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án trên là tranh chấp dân sự, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Ông H vay số tiền 200.000.000 đồng của Ngân hàng A với mục đích: mua đồ gia dụng. Đây là tranh chấp về dân sự. Do đó, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về dân sự, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3]. Việc ký kết hợp đồng: Ngày 10/5/2017 ông Phạm Trọng H sinh năm 1981. Trú tại: Xóm 3, thôn B, xã B, huyện G, T phố Hà Nội đã ký kết Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với Ngân hàng A (B) tại phòng giao dịch Hà T, địa chỉ: L1R6-Royal City, N, T, Hà Nội, với nội dung:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng.

Mục đích vay: mua đồ gia dụng.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Phương thức giải ngân: Giải ngân vào tài khoản của khách hàng mở tại B, nhận nợ từ thời điểm B giải ngân tiền vay vào Tài khoản thanh toán của bên vay. Ngày 10/5/2017 phòng giao dịch Hà T - Ngân hàng A đã lập tờ trình phê duyệt của đơn vị cho vay đối với ông Phạm Trọng H, với nội dung:

Số tiền vay: 200.000.000 đồng.

Mục đích vay: mua đồ gia dụng.

Thời hạn vay: 60 tháng.

Phương thức trả nợ: niên kim đều.

Lãi suất: 30%/năm (2,5%/ tháng); Loại hình cho vay: tín chấp; Các đề xuất khác: mở thẻ VP Super giảm 2% lãi suất.

Ngày 17/5/2017 Ngân hàng A – Chi nhánh Kinh Đô đã ký văn bản xác nhận về việc ông Phạm Trọng H đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi ông Phạm Trọng H sử dụng dịch vụ tại B mà ông đã ký ngày 10/5/2017. Ngày 19/5/2017 ông Phạm Trọng H đã nhận đủ số tiền vay: 200.000.000 đồng tại phòng giao dịch Hà T - Ngân hàng A.

[4]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A đã thực hiện việc giải ngân số tiền 200.000.000 đồng cho ông Phạm Trọng H. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Ông H đã nhận đủ số tiền vay, cũng đã thanh toán cho Ngân hàng được một phần tiền gốc và tiền lãi nhưng sau đó đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình, vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu buộc ông Phạm Trọng H phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Tổng số tiền mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn tính đến ngày 07/8/2019, ông Phạm Trọng H đã trả nợ được cho B tổng số tiền là: 56.599.452 đồng, trong đó: đã trả nợ gốc: 33.077.505 đồng, tiền lãi đã trả: 23.342.421 đồng, số tiền phạt chậm trả đã trả là: 179.526 đồng. Nguyên đơn giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết của bị đơn tính từ thời điểm giải ngân.

Xét các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ gốc là: 166.922.495 đồng, là có căn cứ.

Về yêu cầu trả nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả, tiền lãi chậm trả, phạt vi phạm, tại Văn bản xác nhận ngày 17/5/2017, của các bên đã ký trong văn bản là phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Dư nợ gốc tính lãi phù hợp với tập sao kê giao dịch tài khoản vay. Như vậy, bảng tính lãi là có căn cứ được chấp nhận. Đối cH bảng tính lãi với tập sao kê giao dịch tài khoản vay xác định: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ lãi (*tính đến ngày 07-8-2019*) là: **331.496.275** đồng (Ba trăm ba mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy lăm đồng); trong đó, nợ gốc phải trả: 166.922.495 đồng; nợ lãi trong hạn phải trả: 9.741.205 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 139. 210.128 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng.

Từ những phân tích và đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn là ông Phạm Trọng H phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng A theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 ngày 10/5/2017(*tính đến ngày 07/8/2019*), tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/8/2019 là: **331.496.275** đồng (Ba trăm ba mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy lăm đồng); trong đó, nợ gốc phải trả: 166.922.495 đồng; nợ lãi trong hạn phải trả: 9.741.205 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 139. 210.128 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng.

[6]. Về nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả: Buộc ông Phạm Trọng H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 08/8/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 đã ký ngày 10/5/2017) cho đến khi ông Phạm Trọng H thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A.

[7]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gtham gia phiên tòa: Đối với đề nghị về số tiền 15.622.447 đồng, phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được quy định tại khoản 7 mục a của Văn

bản xác nhận ngày 17/5/2017 giữa ông Phạm Trọng H và Ngân hàng A là trái quy định của pháp luật nên thỏa thuận này không có hiệu lực pháp luật vì không đúng theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng, thấy rằng: Ngày 17/5/2017 Ngân hàng A – Chi nhánh Kinh Đô đã ký Văn bản xác nhận về việc ông Phạm Trọng H đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung xác nhận trong Văn bản khi ông sử dụng dịch vụ tại B mà ông H đã ký ngày 10/5/2017, tại khoản 7 mục a quy định: “*Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Thỏa thuận cho vay, Văn bản xác nhận này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên ngân hàng và Bên vay, Bên vay cam kết thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền phạt vi phạm được tính theo 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ...*” Nội dung các khoản mục tại Văn bản xác nhận Ngày 17/5/2017 Ngân hàng A – Chi nhánh Kinh Đô đã ký với ông Phạm Trọng H là phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi và cách tính lãi được áp dụng trên cơ sở thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng nên không có căn cứ thực hiện yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117; Điều 119; Điều 463; Điều 464; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Phạm Trọng H.

2. Buộc ông Phạm Trọng H phải trả cho Ngân hàng A (theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 đã ký ngày 10/5/2017), tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 07/8/2019 là: **331.496.275** đồng (Ba trăm ba mươi một triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng); trong đó, nợ gốc phải trả: 166.922.495 đồng; nợ lãi trong hạn phải trả: 9.741.205 đồng; nợ lãi quá hạn phải trả: 139. 210.128 đồng; tiền phạt chậm trả lãi: 15.622.447 đồng.

3. Buộc ông Phạm Trọng H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả, kể từ ngày 08/8/2019 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử số HT/VN0010310/20171179 số LD1713900713 đã ký ngày 10/5/2017) cho đến khi ông Phạm Trọng H thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng A.

4. Về án phí: Buộc ông Phạm Trọng H phải chịu 16.574.813 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số AA/2010/0004208 ngày 25/02/2019 là: 6.079.000 đồng (Sáu triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP.Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP/TA.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn T Nam